

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **370/2025/DS-PT**

Ngày: 18 - 11 - 2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Duy Thuần

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị My My và bà Đặng Thị Thu Hằng

Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Kim Duyên – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà: Ông Phan Văn Công - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 334/TLPT-DS, ngày 15 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2025/DS-ST, ngày 13/6/2025 của Toà án nhân dân huyện EK (nay là Toà án nhân dân Khu vực 7 – Đắk Lắk), bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 374/2025/QĐ-PT, ngày 28/10/2025 giữa các đương sự;

1. Nguyên đơn: Ông Lưu Văn X.

Địa chỉ: Thôn 5, xã ES, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã EK_n, tỉnh Đắk Lắk).
Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Khương Văn T.

Địa chỉ: Thôn 3, xã CN, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã EK, tỉnh Đắk Lắk).
Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trịnh Thị D.

Địa chỉ: Thôn 3, xã CN, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã EK, tỉnh Đắk Lắk).
Vắng mặt.

4. Người làm chứng: Bà Trần Thị H. Địa chỉ: Thôn 5, xã ES, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk (Nay là xã EK_n, tỉnh Đắk Lắk). Vắng mặt.

5. Người kháng cáo: Bị đơn ông Khương Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lưu Văn X trình bày:** Do có mối quan hệ quen biết, trước đây là hàng xóm nên vào ngày 20/6/2019, ông X có cho ông Khương Văn T vay số tiền 50.000.000 đồng, với lãi suất 3%/tháng, thời hạn trả là ngày 20/6/2020.

Tuy nhiên, đến hạn thanh toán, ông T không trả nợ theo cam kết dù ông X đã nhiều lần yêu cầu. Sau đó, vào ngày 11/5/2021, ông T trả 10.000.000 đồng tiền lãi bằng hình thức tiền mặt; tiếp đến, ngày 13/5/2024, ông T chuyển khoản trả thêm 10.000.000 đồng tiền lãi.

Từ thời điểm đó đến nay, mặc dù ông X đã nhiều lần đòi nhưng ông T vẫn không thanh toán số tiền còn lại. Do đó, ông X đề nghị Tòa án nhân dân huyện EK xem xét, buộc ông Khương Văn T phải trả cho ông X 50.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tính từ ngày vay đến ngày Tòa án thụ lý vụ kiện, tương ứng $69 \text{ tháng} \times 1\% = 35.000.000$ đồng, trừ đi 20.000.000 đồng tiền lãi đã trả, còn 15.000.000 đồng tiền lãi chưa thanh toán.

Như vậy, tổng cộng cả gốc và lãi là 65.000.000 đồng (bằng chữ: Sáu mươi lăm triệu đồng chẵn).

*** Tại bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Khương Văn T trình bày:** Số tiền 50.000.000 đồng mà ông X khởi kiện cho rằng ông T vay là không đúng sự thật. Thực tế, mẹ của ông T là bà Trịnh Thị D có vay của ông X số tiền 30.000.000 đồng, tuy nhiên ông T không biết rõ thời gian và mục đích vay.

Năm 2018, bố của ông T mất. Sau đó, ông X nhiều lần đe dọa, gây áp lực bằng lời nói đối với bà D. Vì vậy, ông X yêu cầu ông T viết và ký vào giấy vay tiền đề ngày 20/6/2019, với nội dung thể hiện ông T vay 50.000.000 đồng của ông X. Khi đó, ông X nói rằng nếu sau này ông T không trả được toàn bộ, thì chỉ cần trả số tiền gốc 30.000.000 đồng thay cho mẹ ông, phần lãi ông X không yêu cầu trả. Do tin tưởng và muốn giúp mẹ, ông T đã đồng ý viết giấy vay tiền này để trả thay khoản nợ của mẹ mình.

Ông T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông X, vì ông đã trả 20.000.000 đồng tiền gốc, tuy không nhớ rõ thời điểm. Việc trả nợ do ông T chủ động, còn trong quá trình mẹ ông vay thì ông X chỉ đòi tiền bà D, không đòi ông T. Cụ thể, ông T đã trả hai lần: 10.000.000 đồng tiền mặt và 10.000.000 đồng chuyển khoản, khi trả có gọi điện thông báo cho ông X biết là trả tiền gốc. Ông T chỉ đồng ý có trách nhiệm trả cho ông X số tiền 10.000.000 đồng tiền gốc còn nợ và 5.000.000 đồng tiền lãi.

Toàn bộ nội dung trong giấy vay ngày 20/6/2019 là do ông X hướng dẫn ông T viết nhằm hợp thức hóa việc ông T phải trả thay khoản nợ của mẹ, được viết tại nhà ông X, có vợ ông X là bà Trần Thị H chứng kiến.

*** *Quá trình giả quyết vụ án bà Trịnh Thị D trình bày:*** Tôi là mẹ ruột của Khương Văn T. Tôi và vợ chồng ông X trước đây là hàng xóm với nhau, nay gia đình tôi đã chuyển đến thôn 3, CN. Tôi có vay của vợ chồng ông X hai lần tiền cụ thể một lần 20.000.000đ và một lần 10.000.000đ không nhớ rõ thời gian vay. Khi vay hai bên có làm giấy vay vợ ông X viết giấy cho tôi ký, không thời hạn vay, khi nào có thì trả, hai bên có thỏa thuận mức lãi 3%/tháng. Tôi vay để trang trải cuộc sống gia đình. Tôi chưa trả được khoản lãi nào mà con trai tôi Khương Văn T đã trả được tiền gốc 20.000.000đ. Hiện nay ông X khởi kiện ông T số tiền 50.000.000đ gốc và 15.000.000đ lãi thì tôi không biết, việc này con trai tôi và ông X tự giải quyết với nhau.

*** *Quá trình giả quyết vụ án người làm chứng bà Trần Thị H trình bày:*** Bà H xác định là không liên quan gì đến vụ kiện này nên không tham gia làm việc tại Tòa án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2025/DS-ST, ngày 13/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện EK (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Đắk Lắk) đã quyết định:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 203; Điều 227, 233, 235; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Áp dụng các Điều 288; 463, 466, 468, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Văn X.

Buộc ông Khương Văn T có trách nhiệm trả cho ông Lưu Văn X số tiền 64.799.999đ (Sáu mươi tư triệu, bảy trăm chín mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi chín đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông Khương Văn T còn phải trả cho ông Lưu Văn X khoản tiền lãi chậm trả đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 16/6/2025, bị đơn ông Khương Văn T làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn ông Khương Văn T giữ nguyên đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Khương Văn T, giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Khương Văn T trong hạn luật định, hợp lệ về hình thức. Người kháng cáo đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định nên vụ án được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Ông Khương Văn T kháng cáo cho rằng: Quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án cấp sơ thẩm là không khách quan, không đúng với bản chất vụ việc, nguyên đơn không chứng minh được việc cho ông T vay tiền, giao nhận tiền cho ông T, thực tế ông không vay của nguyên đơn. Do đó, ông làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại cấp sơ thẩm và quá trình giải quyết vụ án ông Khương Văn T thừa nhận Giấy vay ngày 20/6/2019 là do ông T tự viết và ký tên, nội dung giấy vay thể hiện rõ ông là người vay tiền của ông X với số tiền vay là 50.000.000 đồng, không có nội dung nào thể hiện việc vay thay hoặc bảo lãnh cho bà Trịnh Thị D. Sau khi xét xử sơ thẩm, ông T không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh việc bị ép buộc viết giấy vay hoặc chứng minh người vay thực tế là bà D. Do đó, nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm rằng giấy vay ngày 20/6/2019 là giao dịch dân sự giữa ông X và ông T là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc xác định tiền lãi: Cấp sơ thẩm đã căn cứ Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 để xem xét, đánh giá đúng thỏa thuận lãi suất của các bên. Mức lãi suất 3%/tháng được ghi trong giấy vay là vượt quá giới hạn pháp luật cho phép, tuy nhiên nguyên đơn tự nguyện yêu cầu tính lãi 1%/tháng (12%/năm) nên được Tòa án chấp nhận là phù hợp quy định.

Cấp sơ thẩm cũng đã tính toán chi tiết tiền lãi cho từng giai đoạn, có đối chiếu và khấu trừ số tiền 20.000.000 đồng mà ông T đã thanh toán, đảm bảo khách quan, chính xác, có căn cứ pháp lý. Tổng số tiền buộc ông T phải trả cho ông X là 64.799.999 đồng (gồm 50.000.000 đồng nợ gốc và 14.799.999 đồng tiền lãi) là phù hợp, hợp lý.

Những nội dung ông T trình bày tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết, chứng cứ mới so với quá trình xét xử sơ thẩm. Cấp sơ thẩm đã đánh giá toàn diện lời khai của các đương sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, đồng thời xác định đúng bản chất quan hệ pháp luật là vay tài sản. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông T, cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[4] Về án phí phúc thẩm:

Do kháng cáo không được chấp nhận, ông Khương Văn T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Khương Văn T.

Giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2025/DS-ST, ngày 13/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện EK (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Đắk Lắk).

[2] Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Văn X.

Buộc ông Khương Văn T có trách nhiệm trả cho ông Lưu Văn X số tiền 64.799.999đ (Sáu mươi tư triệu, bảy trăm chín mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi chín đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông Khương Văn T còn phải trả cho ông Lưu Văn X khoản tiền lãi chậm trả đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Khương Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0010309, ngày 14/7/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7- Đắk Lắk.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Khu vực 7;
- Phòng THADS Khu vực 7;
- Công TTĐT Tòa án;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Duy Thuấn